

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195/2025/DS-PT
Ngày 27 - 3 -2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản; kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Huỳnh;

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2024/QĐPT-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 192/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1963; địa chỉ: số G, tổ D, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Ngô Anh K, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ H, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/3/2024), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Mai Thị Phước T, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Lê Việt H1, sinh năm 1977; địa chỉ: số E Đại lộ B, tổ B, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/5/2024), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Tạ Ngọc Linh K1, sinh năm 1993; địa chỉ: số A, tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Nam T1, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Dương Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1989; địa chỉ: số A, tổ D, khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Vũ Văn L1, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là Trần Thị Ngọc H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ngô Anh K trình bày:*

Bà Trần Thị Ngọc H và bà Mai Thị Phước T là chỗ quen biết và làm ăn thân tình với nhau, thời điểm trước đây bà T gặp khó khăn trong việc làm ăn và có mượn bà H số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 03/02/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/02/2017 dương lịch), không thỏa thuận lãi. Khi nào trả xong nợ gốc sẽ trả tiền lãi theo quy định là 20%/năm trên số tiền gốc đã vay là 2.000.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng, bà H cho bà T trả dần số tiền trên cho đến khi hết nợ, từ ngày 17/6/2019, bà T bắt đầu trả nợ cho bà H. Thời gian đầu, bà T có trả cho bà H số tiền trên thành nhiều lần khác nhau nhưng sau đó bà H yêu cầu trả nhiều tiền thì bà T chỉ trả số tiền nhỏ và sau đó thì không trả nữa. Việc trả tiền được thực hiện qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 5506215002904 của bà Trần Thị Ngọc H tại Ngân hàng N trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2019 đến ngày 05/3/2024 với tổng số tiền bà T đã trả bà H là 1.470.000.000 đồng.

Hiện tại bà T còn nợ bà H số tiền 530.000.000 đồng, bà H có liên hệ qua điện thoại, gặp trực tiếp yêu cầu bà T trả số tiền còn lại nhưng bà T lại hứa hẹn nhiều lần, chờ nhận tiền đền bù đất mới trả nợ. Bà T vi phạm nghĩa vụ nhưng lại có yêu cầu phản tố là không hợp tình hợp lý. Vì vậy, bà H yêu cầu: buộc bà Mai Thị Phước T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền nợ gốc là 530.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, tính từ ngày 17/6/2019 đến ngày bản án có hiệu lực, tạm tính là 65 tháng với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 1.079.000.000 đồng, tổng số tiền là 1.609.000.000 đồng.

Số nợ 2.000.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 03/02/2017 (âm lịch) bà H cho bà T trả nợ gốc thành nhiều lần theo khả năng của bà T, khi nào hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc sẽ trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 870.000.000 đồng do bà T và nhân viên của bà T thanh toán cho bà H là tiền mà

bà T trả nợ cho khoản vay nợ khác của bà H với số nợ là 1.800.000.000 đồng (sau khi trả xong thì các bên đã hủy bỏ giấy nợ nên bà H không còn để nộp cho Tòa án) nên số tiền 870.000.000 đồng này không liên quan đến giấy nợ ngày 03/02/2017 (âm lịch) mà bà H đang khởi kiện. Do đó, việc bà T cho rằng trả nợ dư số tiền 870.000.000 đồng là không phù hợp nên bà H không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà T.

- Bị đơn bà Mai Thị Phước T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Việt HI trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc H căn cứ vào Tờ giấy viết ngày 03/02/2017 (âm lịch) có nội dung “*T có mượn có H 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng chẵn)*” và S phụ tại Ngân hàng A chi nhánh T4 - Bình Dương (dòng tiền đến và đi theo số tài khoản: 5506215002904 của chủ tài khoản bà Trần Thị Ngọc H) để cho rằng bà T vay 2.000.000.000 đồng và mới chỉ trả được 1.470.000.000 đồng, còn nợ: 530.000.000 đồng và yêu cầu bà T phải trả khoản nợ này. Bà T xác nhận Tờ giấy vay ngày 03/02/2017 do chính bà T viết, xác nhận có vay bà H số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 03/02/2017 (âm lịch) là đúng. Xác định giữa hai bên có quan hệ quen biết từ lâu nên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, việc vay mượn chỉ mang tính hỗ trợ nhau. Từ khi vay (ngày 03/02/2017 – âm lịch) thì bà T bắt đầu trả dần cho bà H, đợt trả đầu tiên là ngày 05/9/2018 và lần cuối cùng là ngày 05/3/2024 (tổng cộng 28 đợt trả tiền vay).

Qua các lần trả tiền (dưới 3 hình thức: đưa tiền cho nhân viên nộp tiền mặt vào số tài khoản của bà H; Ủy nhiệm chi từ Ngân hàng S1 vào tài khoản của bà H và chuyển tiền banking từ Ngân hàng T5 vào tài khoản của bà H) thì bà T đã chuyển tiền “trả nợ theo giấy nợ ngày 3/2/2017” cho bà H được tổng số tiền là: 2.870.000.000 đồng/2.000.000.000 đồng. Trong đó:

- Nhờ nhân viên là bà Trần Thị Trúc L, bà Tạ Ngọc Linh K1, ông Nguyễn Nam T1, bà Dương Nguyễn Ngọc T2, ông Vũ Văn L1 nộp tiền mặt 06 đợt, tổng cộng số tiền là: 1.200.000.000 đồng.

- Ủy nhiệm chi từ Ngân hàng S1 (mười một) đợt, tổng cộng số tiền 1.300.000.000 đồng.

- Chuyển tiền banking từ Ngân hàng T5 11 đợt, tổng cộng số tiền là: 370.000.000 đồng.

Tổng cộng bà T đã chuyển khoản thanh toán cho bà H là 2.870.000.000 đồng. Các lần chuyển khoản vào số tài khoản của bà H đều có nội dung “*Trả nợ theo giấy nợ ngày 3/2/2017*”.

Do bà T đã thanh toán đủ và vượt số tiền đã vay từ bà H nên khi bà H yêu cầu bà T tiếp tục trả nợ thì bà T không ý. Bà T không những đã trả xong tiền nợ 2.000.000.000 đồng theo Tờ giấy vay ngày 3/2/2017, bà T còn thanh toán vượt quá số tiền vay là 870.000.000 đồng nhưng bà H lại khởi kiện để cho rằng bà T mới chỉ trả được 1.470.000.000 đồng/2.000.000.000 đồng, buộc bà T phải trả 530.000.000 đồng là không đúng. Do bà T và bà H làm ăn nhiều lần với nhau

nên khi trả nợ thì bà T không ghi chép, không thống kê việc trả nợ dẫn đến việc trả dư số tiền 870.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H về việc yêu cầu bà T trả tiền lãi trên nợ gốc là 2.000.000.000 đồng tính từ ngày 17/6/2019 đến ngày bản án có hiệu lực, tạm tính là 65 tháng với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 1.079.000.000 đồng thì bà T không đồng ý do khi vay mượn thì hai bên không có thoả thuận thời hạn và lãi suất.

Vì vậy, bà T có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: buộc bà Trần Thị Ngọc H phải hoàn trả cho bà Mai Thị Phước T số tiền 870.000.000 đồng đã chuyển dư.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Trúc L trình bày:* Trước đây bà L là nhân viên kế toán của bà Mai Thị Phước T, làm việc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vào ngày 05/9/2018, bà T có nhờ bà L nộp tiền mặt (200.000.000 đồng) vào số tài khoản: 5506215002904 tại Ngân hàng N, chủ tài khoản là bà Trần Thị Ngọc H để trả nợ cho bà H theo khoản vay ngày 03/02/2017. Bà L thực hiện theo đúng yêu cầu của bà T, đã nộp số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản của bà H và ghi nội dung “*Mai Thị Phước T chi trả tiền gốc theo giấy nợ ngày 3/2/2017*”. Bà L xác định hoàn toàn không quen biết và có quan hệ gì với bà Trần Thị Ngọc H. Việc bà L nộp tiền vào số tài khoản của bà H là do bà T nhờ bà L nộp giúp. Nhận thấy, bà L đã thực hiện xong việc nộp tiền vào tài khoản theo yêu cầu của bà T. Bà L không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong việc này và không có yêu cầu độc lập trong vụ án, đồng thời bà có đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Ngọc Linh K1 trình bày:* bà K1 là con gái của bà Mai Thị Phước T. Bà K1 không quen biết và có quan hệ gì với bà Trần Thị Ngọc H. Vào ngày 17/10/2018, bà T có nhờ bà K1 nộp tiền mặt (200.000.000 đồng) vào số tài khoản: 5506215002904 tại Ngân hàng N, chủ tài khoản là bà Trần Thị Ngọc H để trả nợ cho bà H theo khoản vay ngày 3/2/2017. Bà K1 thực hiện theo đúng yêu cầu của mẹ là bà T, đã nộp số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản của bà H và ghi nội dung “*Mai Thị Phước T chi trả tiền gốc theo giấy nợ ngày 3/2/2017*”. Bà K1 xác định: việc bà K1 nộp tiền vào số tài khoản của bà H là do mẹ bà K1 nhờ bà K1 đi nộp giúp. Nhận thấy, bà K1 đã thực hiện xong việc nộp tiền vào tài khoản theo yêu cầu của bà T. Bà K1 không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong việc này và không có yêu cầu độc lập trong vụ án, đồng thời bà có đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nam T1 trình bày:* trước đây, ông T1 có làm việc cho bà Mai Thị Phước T tại phường T, T, tỉnh Bình Dương. Đối với bà Trần Thị Ngọc H thì ông T1 không quen biết và không có quan hệ giao dịch gì. Trong thời gian làm việc cho bà T, ông T1 được bà T nhờ nộp 02 lần tiền (tổng cộng là 400.000.000 đồng) vào số tài khoản: 5506215002904 tại Ngân hàng N, chủ tài khoản là bà Trần Thị Ngọc H để trả nợ cho bà H theo khoản vay ngày 3/2/2017. Cụ thể:

- Lần 1: ngày 01/12/2018, bà T đưa ông T1 200.000.000 đồng nộp vào tài khoản trên của bà H với nội dung “*Nguyễn Nam T1 nộp tiền: Mai Thị Phước T chi trả tiền gốc theo giấy nợ ngày 3.2.2017*”.

- Lần 2: ngày 11/01/2019, bà T đưa ông T1 200.000.000 đồng nộp vào tài khoản trên của bà H với nội dung “*Nguyễn Nam T1 nộp tiền: Mai Thị Phước T chi trả tiền gốc theo giấy nợ ngày 3.2.2017*”.

Ông T1 xác định nộp tiền vào số tài khoản của bà H là do bà T nhờ ông T1 đi nộp giúp để trả nợ cho bà H theo Giấy nợ ngày 03/02/2017 và ông T1 đã thực hiện xong việc nộp tiền vào tài khoản của bà H theo yêu cầu của bà T. Ông T1 không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong việc này và không có yêu cầu độc lập trong vụ án, đồng thời ông có đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Nguyễn Ngọc T2 trình bày:* trước đây bà T2 là nhân viên kế toán của bà Mai Thị Phước T, làm việc tại phường T, T, tỉnh Bình Dương. Vào ngày 13/3/2019, bà T có nhờ bà T2 nộp tiền mặt (200.000.000 đồng) vào số tài khoản: 5506215002904 tại Ngân hàng N, chủ tài khoản là bà Trần Thị Ngọc H để trả nợ cho bà H theo khoản vay ngày 03/02/2017. Bà T2 thực hiện theo đúng yêu cầu của bà T, đã nộp số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản của bà H với nội dung “*Mai Thị Phước T chi trả tiền gốc theo giấy nhận nợ ngày 3/2/2017*”. Bà T2 xác định hoàn toàn không quen biết và có quan hệ gì với bà Trần Thị Ngọc H. Việc bà T2 nộp tiền vào số tài khoản của bà H là do bà T nhờ nộp giúp. Nhận thấy, bà T2 đã thực hiện xong việc nộp tiền vào tài khoản theo yêu cầu của bà T. Bà T2 không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong việc này và không có yêu cầu độc lập trong vụ án, đồng thời bà có đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn L1 trình bày:* trước đây, ông L1 có làm việc cho bà Mai Thị Phước T tại phường T, T, tỉnh Bình Dương. Đối với bà Trần Thị Ngọc H thì ông L1 không quen biết và không có quan hệ giao dịch gì. Trong thời gian làm việc cho bà T. Vào ngày 20/7/2019, bà T có nhờ ông L1 nộp tiền mặt vào số tài khoản: 5506215002904 tại Ngân hàng N, chủ tài khoản là bà Trần Thị Ngọc H để trả nợ cho bà H theo khoản vay ngày 03/02/2017. Nội dung là “*Ông Vũ Văn L1 nộp tiền (Mai Thị Phước T chi trả tiền gốc theo GNN (viết tắt của giấy nhận nợ) ngày 3/2/2017*”. Ông L1 xác định: việc ông L1 nộp tiền vào số tài khoản của bà H là do bà T nhờ ông L1 đi nộp giúp để trả nợ cho bà H theo giấy nợ ngày 03/02/2017 và ông L1 đã thực hiện xong việc nộp tiền vào tài khoản của bà H theo yêu cầu của bà T. Ông L1 không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong việc này và không có yêu cầu độc lập trong vụ án, đồng thời ông có đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H đối với bị đơn bà Mai Thị Phước T về việc yêu cầu thanh toán tổng số tiền

1.609.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ chín triệu đồng), bao gồm tiền nợ gốc là 530.000.000 đồng, tiền lãi 1.079.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Mai Thị Phước T đối với nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H về việc tranh chấp đòi tài sản.

Buộc bà Trần Thị Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Phước T số tiền 870.000.000 đồng (T3 trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H, có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về nội dung: Xét thấy nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án theo quy định.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H là ông Ngô Anh K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Trúc L, bà Tạ Ngọc Linh K1, bà Nguyễn Nam T1, bà Dương Nguyễn Ngọc T2 và ông Vũ Văn L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Mai Thị Phước T thanh toán tiền gốc vay và lãi suất chậm trả cho nguyên đơn tổng số tiền: 1.609.000.000đ (một tỷ sáu trăm lẻ chín triệu đồng) là tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật, trong đó: tiền gốc là 530.000.000đ (năm trăm ba mươi triệu đồng) vay ngày 03/02/2017 (âm lịch) và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 17/6/2019 đến ngày bản án có hiệu lực của số tiền nợ gốc 2.000.000.000đ, tạm tính là 65 tháng ($2.000.000.000đ \times 10\%/năm \times 65 \text{ tháng}$) = 1.079.000.000đ (một tỷ không trăm bảy mươi chín triệu đồng). Chứng cứ do nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy viết tay ngày 03/02/2017 âm lịch (là ngày 28/02/2017 dương lịch) có nội dung “*T có mượn cô H 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng chẵn)*” do bị đơn bà T viết và ký tên. Quá trình tố tụng bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn bà H số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 03/02/2017 (âm lịch) nhằm ngày 28/02/2017 dương lịch và giấy tay ngày 03/02/2017 là do bà T viết nhưng bà T đã trả hết số tiền nợ gốc, do không ghi chép, không thống kê việc trả nợ dẫn đến đã trả dư số tiền 870.000.000 đồng và bà T có yêu cầu phản tố, buộc bà Trần Thị Ngọc H phải hoàn trả cho bà Mai Thị Phước T số tiền 870.000.000 đồng đã chuyển dư.

[3] Nguyên đơn bà H cho rằng hai bên thỏa thuận miệng là bà T trả dần số tiền cho đến khi hết nợ, hai bên không thỏa thuận tiền lãi, khi nào trả xong nợ gốc, bà T sẽ trả tiền lãi theo quy định là 20%/năm trên số tiền gốc đã vay là 2.000.000.000 đồng, nhưng sau khi nhận tiền đến nay bị đơn chỉ mới trả được tiền gốc là 1.470.000.000 đồng. Tại Sổ phụ tài khoản số 5506215002904 của bà Trần Thị Ngọc H tại Ngân hàng N thể hiện bà T đã chuyển khoản vào số tài khoản 5506215002904 của bà Trần Thị Ngọc H tổng cộng 28 lần bắt đầu từ ngày 05/9/2018, lần cuối là vào ngày 05/3/2024 dưới các hình thức: nhân viên của bà T là bà Trần Thị Trúc L, bà Tạ Ngọc Linh K1, ông Nguyễn Nam T1, bà Dương Nguyễn Ngọc T2, ông Vũ Văn L1 nộp tiền mặt 06 đợt với tổng số tiền là: 1.200.000.000 đồng; ủy nhiệm chi từ ngân hàng S1 11 đợt, tổng số tiền 1.300.000.000 đồng; chuyển tiền banking từ Ngân hàng T5 11 đợt, tổng số tiền là: 370.000.000 đồng), mỗi lần chuyển khoản đều có ghi các nội dung: “*ck tra tien goc c huong theo giay no ngay 3-2-2017*” hay “*Tuyen ck tra tien goc c huong theo giay no ngay 3-2-2017*”, “*...Mai Thị Phước T chi trả tiền gốc theo giấy nợ ngày 3/2/2017*” với tổng số tiền là 2.870.000.000 đồng.

Từ các chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn (bà T) có vay số tiền 2.000.000.000đ của nguyên đơn (bà H) và đã trả cho nguyên đơn bà H tổng số tiền 2.870.000.000 đồng, dư so với tiền vay là 870.000.000 đồng là có căn cứ và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn (bà H) có nghĩa vụ hoàn trả cho bị đơn bà Mai Thị Phước T số tiền 870.000.000 đồng đã

trả dư so với số tiền vay là đúng quy định tại Điều 357 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về thời hạn vay, lãi suất vay: 02 bên đều thống nhất đây là khoản vay không kỳ hạn. Về lãi suất: nguyên đơn bà H khi vay hai bên thỏa thuận miệng là bà T trả dần số tiền cho đến khi hết nợ, hai bên không thỏa thuận tiền lãi, khi nào trả xong nợ gốc, bà T sẽ trả tiền lãi theo quy định là 20%/năm trên số tiền gốc đã vay. Lời trình bày của nguyên đơn không được bị đơn (bà T) thừa nhận nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh. Do đó không có cơ sở xác định số tiền nguyên đơn đã cho bị đơn vay là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất 20%/năm mà thuộc trường hợp hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Nguyên đơn (bên cho vay) có quyền đòi lại tài sản và bị đơn (bên vay) cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Xét thấy, ngày 22/3/2024, bà H có gửi thông báo bằng văn bản thu hồi nợ đến nơi ở của bà T thông qua đường bưu chính, thông báo cho bà T biết đến trả nợ vay cho bà H, nhưng đến ngày 05/3/2024, bà T đã trả dư so với số tiền vay là 870.000.000 đồng cho bà H nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Nguyên đơn bà H kháng cáo cho rằng số tiền 870.000.000 đồng do bà T và nhân viên của bà T thanh toán cho bà H là tiền mà bà T trả nợ cho khoản vay nợ khác của bà H với số nợ là 1.800.000.000 đồng (sau khi trả xong thì các bên đã hủy bỏ giấy nợ nên bà H không còn để nộp cho Tòa án), tuy nhiên bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà H là không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[7] Về án phí: nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận nhưng do bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị Ngọc H do bà H là người cao tuổi.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP. Tân Uyên;
- TAND TP. Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Thanh